

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 16 - 7 - 2020.

V/v tranh chấp “ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hương;
2. Ông Nguyễn Công Tài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 55/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị M, sinh năm 1977.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Tấn T, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Thôn DLN, xã QM, huyện QS, tỉnh Quảng Nam.

Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Quế Minh, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn

số 11 ngày 17/5/2000. Trong quá trình chung sống, anh T suốt ngày cờ bạc, rượu chè, đánh đập vợ con, nhiều lần trốn nợ và không có trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng chị đã sống ly thân được 03 năm. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 02 cháu tên là Lê Thị Phương D, sinh ngày 17/6/2000 và Lê Thị Phương T, sinh ngày 22/6/2013. Cháu D đã trưởng thành có khả năng lao động nên chị không yêu cầu giải quyết. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Hiện nay, cháu T đang ở với chị.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh T trình bày: Anh thống nhất với phần trình bày của chị M về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Anh vẫn thương yêu vợ con và cố gắng khắc phục hậu quả nên anh muốn gia đình đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 cháu tên là Lê Thị Phương D, sinh ngày 17/6/2000 và Lê Thị Phương T, sinh ngày 22/6/2013. Cháu D đã trưởng thành có khả năng lao động nên anh không yêu cầu giải quyết. Trường hợp ly hôn, anh thống nhất giao cháu T cho chị M nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, 147, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chị M được ly hôn với anh T; về con chung: Giao cháu T cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh T cư trú tại thôn DLN, xã QM, huyện QS, tỉnh Quảng Nam; chị M yêu cầu ly hôn và nuôi con nên quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp về “*ly hôn, nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, chị M có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Quế Minh, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 17/5/2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị M và anh T chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh T cờ bạc, rượu chè, đánh đập vợ con, nhiều lần trốn nợ và không có trách nhiệm với gia đình. Chị M và anh T đã sống ly thân 03 năm nay. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị M với anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M.

[3]. Về con chung: Cháu D đã trưởng thành có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị M yêu cầu được nuôi cháu T và yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng. Anh T thống nhất giao con cho chị M nuôi dưỡng và cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng. Hiện nay, cháu T đang ở với chị M. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử: Giao cháu T cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (*hai triệu*) đồng kể từ tháng 08/2020 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị M về tranh chấp "*ly hôn, nuôi con*".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị M và anh Lê Tấn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Phương T, sinh ngày 22/6/2013 cho chị Lê Thị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (*hai triệu*) đồng kể từ tháng 08/2020 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị M phải chịu là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000 đồng mà chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007236 ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Tấn T phải chịu là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16 - 7 - 2020), đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Minh, huyện Quế Sơn
(Giấy CNKH số 11 ngày 17/5/2000);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ